

Số: 113/2018/QĐST-HNGĐ

P, ngày 24 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp F, xã H, huyện K, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2006 và cháu D, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2009 cho anh B tiếp tục trực tiếp

trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu E, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2015 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị A và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013241 ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hương